

ĐỀ ÁN KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Đề tài:

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI
NÔNG NGHIỆP TRONG CÔNG
NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ Ở
NƯỚC TA HIỆN NAY**

MỞ ĐẦU

Kinh tế trang trại ở nước ta đã tồn tại từ lâu, nhưng chỉ phát triển mạnh mẽ trong vài năm gần đây. Có thể nói việc thực hiện chỉ thị 100 của Ban Bí thư TW Đảng (Khoá 4), Nghị quyết 10 - NQ/TW của Bộ Chính trị (Tháng 4/1988) về phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ nông dân đã đặt nền móng cho sự ra đời của kinh tế trang trại với những thành tựu của công cuộc đổi mới, sản xuất nông nghiệp có bước phát triển vượt bậc, nhiều hộ nông dân có tích lũy, đã tạo điều kiện cho kinh tế trang trại phát triển. Đặc biệt là sau khi luật đất đai ra đời năm 1993, thì kinh tế trang trại mới có bước phát triển khá nhanh và đa dạng. Việc phát triển kinh tế trang trại đã đem lại lợi ích to lớn về nhiều mặt, làm thay đổi đáng kể bộ mặt kinh tế - xã hội của các vùng nông thôn.

Trong những năm đổi mới nhờ chủ trương của Đảng khuyến khích các thành phần kinh tế trong nông nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh và việc trang trại trả lại cho hộ nông dân quyền tự chủ về kinh tế mà kinh tế hộ cũng như kinh tế tư nhân và kinh tế cá thể trong nông nghiệp đã có bước phát triển mạnh mẽ, tạo động lực thúc đẩy kinh tế nông nghiệp và nông thôn nước ta phát triển, khai thác đầy đủ hơn các tiềm năng và nguồn lực về đất đai, vốn và lao động.

Từ những thực tế đó, em đã chọn đề tài: “***Phát triển kinh tế trang trại nông nghiệp trong công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở nước ta hiện nay***”.

Do thời gian nghiên cứu có hạn, với vốn kiến thức của bản thân còn hạn chế, nên nội dung đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong được sự góp ý kiến của các thầy cô, để đề tài được tốt hơn.

PHẦN I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI NÔNG NGHIỆP

I. VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA KINH TẾ TRANG TRẠI.

1. Khái niệm và bản chất của kinh tế trang trại.

1.1. Khái niệm về kinh tế trang trại.

Kinh tế trang trại là một khái niệm không còn mới với các nước kinh tế phát triển và đang phát triển. Song đối với nước ta đang còn là một vấn đề mới, do nước ta mới chuyển sang nền kinh tế thị trường nên việc nhận thức chưa đầy đủ về kinh tế trang trại là điều không thể tránh khỏi. Thời gian qua các lý luận về kinh tế trang trại đã được các nhà khoa học trao đổi trên các diễn đàn và các phương tiện thông tin đại chúng. Song cho tới nay ở mỗi quốc gia, mỗi vùng khác nhau các nhà khoa học lại đưa ra các khái niệm khác nhau về kinh tế trang trại.

Theo một số nhà khoa học trên thế giới thì khái niệm về kinh tế trang trại như sau:

Lênin đã phân biệt kinh tế trang trại “Người chủ trang trại bán ra thị trường hầu hết các sản phẩm làm ra, còn người tiểu nông thì dùng đại bộ phận sản phẩm sản xuất được, mua bán càng ít càng tốt” .

Quan điểm của Mác đã khẳng định, điểm cơ bản của trang trại gia đình là sản xuất hàng hoá, khác với kinh tế tiểu nông là sản xuất tự cấp tự túc, nhưng có điểm giống nhau là lấy gia đình làm cơ sở làm nòng cốt.

Ở các nước tư bản phát triển như Mỹ, Anh và một số vùng lãnh thổ ở Châu Á: như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và một số nơi khác trong khu vực. Họ quan niệm: “Trang trại là loại hình sản xuất Nông- Lâm- Ngư nghiệp của hộ gia đình nông dân sau khi phá vỡ vỏ bọc sản xuất tự cấp, tự túc khép kín của hộ tiểu nông, vươn lên sản xuất nhiều nông sản, hàng hoá, tiếp cận với thị trường, từng bước thích nghi với nền kinh tế cạnh tranh”.

Đề án KTCT

Quan điểm trên đã nêu được bản chất của kinh tế trang trại là hộ nông dân, nhưng chưa đề cập đến vị trí của chủ trang trại trong toàn bộ quá trình tái sản xuất sản phẩm của trang trại.

Trên đây là một số quan điểm của các nhà khoa học trên thế giới, còn các nhà khoa học trong nước nhận xét về kinh tế trang trại như thế nào? Sau đây em xin được đề cập đến một số nhà khoa học trong nước đã đưa ra như sau:

Quan điểm 1: “Kinh tế trang trại (hay kinh tế nông trại, lâm trại, ngư trại ,...) là hình thức tổ chức kinh tế cơ sở của nền sản xuất xã hội, dựa trên cơ sở hợp tác và phân công lao động xã hội, bao gồm một số người lao động nhất định được chủ trang trại những tư liệu sản xuất nhất định để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với nền kinh tế thị trường và được nhà nước bảo hộ”.

Quan điểm trên đã khẳng định kinh tế trang trại là một đơn vị sản xuất hàng hoá, cơ sở cho nền kinh tế thị trường và vai trò của người chủ trang trại trong quá trình sản xuất kinh doanh nhưng chưa thấy được vai trò của hộ gia đình trong các hoạt động kinh tế và sự phân biệt giữa người chủ với người lao động khác.

Quan điểm 2: “Kinh tế trang trại là kinh tế hộ nông dân sản xuất hàng hoá ở mức độ cao”.

Quan điểm trên cho thấy cơ bản quyết định của kinh tế trang trại là sản xuất hàng hoá ở trình độ cao nhưng chưa thấy được vị trí, vai trò của nền kinh tế trang trại trong nền kinh tế thị trường và chưa thấy được vai trò của người chủ trang trại trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Quan điểm 3 cho rằng: “Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hoá lớn trong Nông- Lâm - Ngư nghiệp của các thành phần kinh tế khác ở nông thôn, có sức đầu tư lớn, có năng lực quản lý trực tiếp quá trình phát triển sản xuất kinh doanh, có phương pháp tạo ra tỷ suất sinh lợi cao hơn bình thường trên đồng vốn bỏ ra, có trình độ đưa thành

Đề án KTCT

tự khoa học công nghệ mới kết tinh trong hàng hoá tạo ra sức cạnh tranh cao trên thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao”.

Quan điểm trên đã khẳng định kinh tế thị trường (nền kinh tế hàng hoá đã phát triển cao) là tiền đề chủ yếu cho việc hình thành và phát triển kinh tế trang trại. Đồng thời khẳng định vai trò vị trí của chủ trang trại trong quá trình quản lý trực tiếp quá trình sản xuất kinh doanh của trang trại.

Từ các quan điểm trên đây ta có thể rút ra khái niệm chung về kinh tế trang trại: “ Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất trong Nông- Lâm- Ngư nghiệp, có mục đích chủ yếu là sản xuất hàng hoá, tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của một người chủ độc lập, sản xuất được tiến hành trên quy mô ruộng đất và các yếu tố sản xuất được tập trung đủ lớn với cách thức tổ chức quản lý tiến bộ và trình độ kỹ thuật cao hoạt động tự chủ và luôn gắn với thị trường.

1.2. Bản chất của kinh tế trang trại.

Từ sau nghị quyết X của Bộ Chính Trị (Tháng 4 / 1998) về đổi mới kinh tế nông nghiệp, quan hệ sản xuất trong nông nghiệp nước ta được điều chỉnh một bước. Song phải đến nghị quyết VI của Ban chấp hành trung ương(khoá VI – 3/1989) hộ gia đình xã viên mới được xác định là đơn vị kinh tế tự chủ cùng với một loạt các chính sách kinh tế được ban hành. Kinh tế hộ nông dân nước ta đã có bước phát triển đáng kể. Một bộ phận nông dân có vốn, kiến thức, kinh nghiệm sản xuất và quản lý, có ý chí làm ăn đã đầu tư và phát triển Nông - Lâm - Thủy sản, họ trở lên khá giả. Trong đó một số hộ chuyển sang sản xuất hàng hoá. Song đại bộ phận các hộ nông dân sản xuất với mục tiêu chủ yếu là để tiêu dùng, số sản phẩm đưa ra bán trên thị trường là sản phẩm dư thừa. Sau khi đã dành cho tiêu dùng. Số sản phẩm hàng hoá một mặt chưa ổn định, còn phụ thuộc vào kết quả sản xuất từng năm và mức tiêu dùng của từng gia đình và mặt khác” Họ chỉ bán cái mà mình có chứ chưa bán cái mà thị trường cần”.

Như vậy muốn phân biệt kinh tế trang trại với kinh tế hộ nông dân là căn cứ và mục tiêu sản xuất. Đối với hộ nông dân mục tiêu sản xuất của họ là để tiêu dùng, sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về lương thực, thực phẩm và các nhu cầu khác của họ. Ngược lại, mục tiêu sản xuất của kinh tế trang trại là sản xuất hàng hoá lớn nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường về các loại Nông-Lâm-Thủy sản, sản phẩm sản xuất ra là để bán. C. Mác đã nhấn mạnh “Kinh tế trang trại bán đại bộ phận nông sản được sản xuất ra thị trường, cán hộ nông dân thì bán ra mua càng ít bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Như vậy trình độ phát triển của kinh tế hộ nông dân chỉ dừng lại ở sản xuất hàng hoá phải tự cung tự cấp. Để có nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn phải chuyển kinh tế hộ nông dân sang phát triển kinh tế trang trại.

2. Vai trò và vị trí của kinh tế trang trại.

Trang trại là hình thức tổ chức sản xuất quan trọng trong vấn đề nông nghiệp thế giới, ngày nay trang trại gia đình là loại hình trang trại chủ yếu trong nền nông nghiệp các nước ở các nước đang phát triển trang trại gia đình có vai trò to lớn quyết định trong sản xuất nông nghiệp, ở đây tuyệt đại bộ phận nông sản phẩm cung cấp cho xã hội được sản xuất ra từ các trang trại gia đình.

Ở nước ta kinh tế trang trại mặc dù mới phát triển trong những năm gần đây. Song vai trò tích cực và quan trọng của kinh tế trang trại đã thể hiện khá rõ nét cả về mặt kinh tế cũng như về mặt xã hội và môi trường.

- Về mặt kinh tế, các trang trại góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hoá cao, khắc phục dần tình trạng phân tán, tạo nên những vùng chuyên môn hoá cao mặt khác qua thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trang trại góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp, đặc biệt công nghiệp chế biến và dịch vụ sản xuất ở nông thôn. Thực tế cho thấy việc phát triển kinh tế trang trại ở những nơi có điều kiện bao giờ cũng đi liền với việc khai thác và sử dụng

Đề án KTCT

một cách đầy đủ và hiệu quả các loại nguồn lực trong nông nghiệp nông thôn so với kinh tế nông hộ.

Do vậy, phát triển kinh tế trang trại góp phần tích cực vào thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

- Về mặt xã hội, phát triển kinh tế trang trại góp phần quan trọng làm tăng số hộ giàu trong nông thôn, tạo thêm việc làm tăng thêm thu nhập cho lao động. Điều này rất có ý nghĩa trong giải quyết vấn đề lao động và việc làm, một trong những vấn đề bức xúc của nông nghiệp nông thôn nước ta hiện nay. Mặt khác phát triển kinh tế trang trại còn góp phần thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng trong nông thôn và tạo tấm gương cho các hộ nông dân về cách tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh ... do đó phát triển kinh tế trang trại góp phần tích cực vào việc giải quyết các vấn đề xã hội và đổi mới bộ mặt xã hội nông thôn nước ta.

- Về mặt môi trường: Do sản xuất kinh doanh tự chủ và vì lợi ích thiết thực và lâu dài của mình mà các chủ trang trại luôn có ý thức khai thác hợp lý và quan tâm bảo vệ các yếu tố môi trường, trước hết là trong phạm vi không gian sinh thái trang trại và sau nữa là trong phạm vi từng vùng .

Các trang trại ở trung du, miền núi đã góp phần quan trọng vào việc trồng rừng, bảo vệ rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai - những việc làm này đã góp phần tích cực cải tạo và bảo vệ môi trường sinh thái trên các vùng đất nước .

3. Đặc trưng của kinh tế trang trại.

Ngay từ khi kinh tế trang trại mới hình thành ở một số nước công nghiệp hoá Tây Âu, C. Mác đã là người đầu tiên đưa ra nhận xét chỉ rõ đặc trưng cơ bản của kinh tế trang trại với kinh tế tiểu nông. Người chủ trang trại sản xuất và bán tất cả, kể cả thóc giống. Còn người tiểu nông sản xuất và tự tiêu thụ hầu hết các sản phẩm làm ra và mua bán càng ít càng tốt.

Đề án KTCT

- Trải qua hàng thế kỷ, phát triển kinh tế trang trại thực tế đã chứng minh đặc trưng cơ bản của kinh tế trang trại là sản xuất nông sản hàng hoá theo nhu cầu của thị trường.

- Có sự tập trung tích tụ cao hơn rõ rệt so với mức bình quân của hộ kinh tế ở từng vùng về các điều kiện sản xuất như đất đai, vốn, lao động.

- Người chủ trang trại cũng là người trực tiếp sản xuất quản lý.

- Sản xuất đi vào chuyên môn hoá cao hơn, áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật, lên giá trị sản phẩm thu nhập và giá trị sản phẩm hàng hoá ngày càng tăng.

- Các tài sản cũng như sản phẩm thuộc quyền sở hữu gia đình và được pháp luật bảo hộ.

4. Tiêu chí nhận dạng kinh tế trang trại.

Để xác định một đơn vị sản xuất kinh doanh cơ sở trong nông nghiệp có phải là trang trại hay không, thì phải có tiêu chí để nhận dạng trang trại có căn cứ khoa học tiêu chí nhận dạng trang trại cần phải hàm chứa được đặc trưng cơ bản của trang trại, nhằm đảm bảo tính chính xác của việc nhận dạng trang trại, chúng ta đi vào xác định các tiêu chí về mặt định tính cũng như mặt định lượng của trang trại.

Về mặt định tính, tiêu chí trang trại biểu hiện đặc trưng cơ bản của trang trại là sản xuất nông sản hàng hoá.

Về mặt định lượng, tiêu chí nhận dạng trang trại thông qua các chỉ tiêu cụ thể nhằm để nhận dạng, phân biệt loại cơ sở sản xuất nào được coi là trang trại, loại cơ sở nào không được coi là trang trại và để phân loại giữa các trang trại với nhau về quy mô.

Các loại chỉ tiêu cụ thể chủ yếu thường dùng để xác định tiêu chí định hướng của trang trại là tỷ suất hàng hoá, khối lượng và giá trị sản lượng nông sản hh và các chỉ số phụ, bổ sung thường dùng là quy mô đất trồng trọt, số đầu gia súc, gia cầm chăn nuôi, quy mô vốn đầu tư, quy mô lao động sử dụng, thu nhập trên đơn vị đất đai, lao động, vốn đầu tư...

Đề án KTCT

Tuy nhiên trong thực tế thường chỉ chọn 1, 2 chỉ số tiêu biểu nhất chỉ rõ được, lượng hàng hoá được đặc trưng cơ bản nhất của trang trại và dễ nhận biết nhất.

Trên thế giới, để nhận dạng thế nào là một trang trại, ở các nước phổ biến chỉ sử dụng tiêu chí định tính chung có đặc trưng là sản xuất nông sản hàng hoá, không phải là sản xuất tự túc. Chỉ có một số ít nước sử dụng tiêu chí định lượng như (Mỹ, Trung quốc).

Ở Mỹ trước đây có quy định một cơ sở sản xuất được coi là trang trại khi có giá trị sản lượng nông sản hàng hoá đạt 250USD trở lên và hiện nay quy định là 1000USD trở lên. Ở Trung Quốc quy định tiêu chí của các hộ chuyên (tương tự như trang trại) có tỷ suất hàng hoá, 70 - 80% trở lên và giá trị sản lượng hàng hoá cao gấp 2 - 3 lần bình quân của các hộ nông dân.

Ở Việt Nam, kinh tế trang trại mới hình thành trong những năm gần đây, những đã có sự hiện diện hầu hết các ngành sản xuất, Nông, Lâm nghiệp, ở các vùng kinh tế với các quy mô và phương thức sản xuất kinh doanh đa dạng, nhưng vẫn là vấn đề mới nên chưa xác định được tiêu chí cụ thể để nhận dạng và phân loại trang trại về định tính và định lượng.

Để xác định thế nào là trang trại ở nước ta, trước hết nên sử dụng tiêu chí định tính, lấy đặc trưng sản xuất nông sản hàng hoá là chủ yếu như kinh nghiệm của các nước, khác với tiểu nông sản xuất tự túc không phải là trang trại. Về định lượng lấy chỉ số tỷ suất hàng hoá từ 70 - 75% trở lên và giá trị sản lượng hàng hoá vượt trội gấp 3 - 5 lần so với hộ nông dân trung bình (trong nước, trong vùng, trong ngành sản xuất).

Về quy mô các yếu tố sản xuất của trang trại nước ta hiện xác định là:

- Quy mô vốn từ 40 triệu đồng trở lên đối với trang trại phía Bắc và Duyên Hải miền trung và 50 triệu đồng trở lên đối với trang trại Nam Bộ và Tây Nguyên.

Đề án KTCT

- Quy mô đất đai: Diện tích cây hàng năm từ 2 ha đối với trang trại phía Bắc và 3 ha đối với trang trại Nam Bộ.

- Đối với trang trại chăn nuôi, số đầu gia súc quy định của tiêu chí trang trại là từ 10 con trở lên đối với trang trại chăn nuôi bò sữa, 100 con trở lên đối với trang trại chăn nuôi lợn, nghĩa là tổng đàn lợn của trang trại phải là 200 con trên 1 năm, vì thông thường mỗi năm nuôi 2 lứa.

5. Điều kiện ra đời và phát triển của kinh tế trang trại.

Kinh tế trang trại là sản phẩm tất yếu của quá trình công nghiệp hoá được hình thành và phát triển ở các nước công nghiệp phát triển, các nước đang phát triển đi lên công nghiệp hoá. Nó là đội quân tự chủ sản xuất nông sản hàng hoá ở các nước công nghiệp phát triển và là đội xung kích trong sản xuất nông sản hàng hoá ở các nước đang phát triển. Kinh tế trang trại ở một quốc gia được hình thành và phát triển khi hội tụ những điều kiện cần và đủ.

- Điều kiện cần đối với trang trại (điều kiện vĩ mô)

+ Quốc gia đó phải có nền kinh tế đã chuyên môn hoá hoặc trong quá trình công nghiệp hoá.

+ Mỗi quốc gia có nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh, trong đó thị trường nông nghiệp đầu vào, đầu ra đều là hàng hoá .

+ Nhà nước công nhận và khuyến khích phát triển kinh tế trang trại.

- Điều kiện đủ đối với kinh tế trang trại.

+ Có một bộ phận dân cư có nguyện vọng, sở thích hoạt động sản xuất nông sản hàng hoá. Hoạt động kinh doanh trang trại.

+ Người chủ phải có trình độ kiến thức quản lý kinh tế trang trại sản xuất hàng hoá.

+ Có tiềm năng về tư liệu sản xuất kinh doanh (vốn đất đai, thiết bị).

Vốn sản xuất bao gồm vốn tự có vốn đi vay trong đó vốn tự có phải chiếm phần lớn phải có đủ vốn thì các ý đồ của chủ mới có khả năng thực

Đề án KTCT

thi. Còn đất đai là điều kiện quan trọng, là tiền đề cho việc hình thành trang trại. Không có đất đai thì không thể coi là sản xuất nông nghiệp. Những điều kiện trên không đòi hỏi phải thật đầy đủ đồng bộ, hoàn chỉnh ngay từ đầu mà có sự biến động và phát triển qua từng giai đoạn.

Ở Việt Nam, sự ra đời của hình thức kinh tế trang trại gia đình được bắt nguồn từ các chính sách đổi mới kinh tế nói chung và chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp nông thôn nói riêng trong từng năm gần đây.

Chỉ thị 1400 của Ban Bí thư (31/10/1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động cho phép gia đình chủ động sử dụng một phần lao động và thu nhập song chưa thay đổi gì về quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, vẫn giữ chế độ phân phối theo ngày công. Tiếp đến là nghị quyết 10 của Bộ chính trị (5/4/1988) đã nâng cao mức tự chủ kinh doanh của hội xã viên trên cả 3 mặt. Tư liệu sản xuất, được giao khoán ruộng đất từ 15 năm trở lên, không bị hạn chế việc mua sắm tư liệu khác, trâu, bò và nhiều công cụ lao động thuộc tài sản tập thể được chuyển thành sở hữu của xã viên, tổ chức lao động, tự đảm nhận phần lớn các khâu trong quy trình sản xuất và phân phối (ngoài phần đóng góp và trao đổi thoả thuận với các hợp tác xã, xã viên hưởng toàn bộ phần thu nhập còn lại xoá bỏ chế độ hợp tác phân phối theo ngày công). Từ chỗ chỉ được làm chủ phần kinh tế gia đình với tính cách là sản phẩm phụ, qua khoán 100 đến 10 hộ xã viên đã trở thành chủ thể chính trong sản xuất nông nghiệp. đồng thời với việc thừa nhận hộ gia đình nông dân là một đơn vị kinh tế tự chủ, đảng và nhà nước từng bước tạo dựng môi trường thể chế thuận lợi cho kinh tế hộ gia đình tự do phát triển sản xuất và dịch vụ, bình đẳng trong các quan hệ kinh tế. Xác định nền kinh tế nước ta tồn tại nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia sản xuất phát triển theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Luật đất đai được Quốc Hội thông qua ngày 14/7/1993 thực hiện việc giao đất lâu dài trong hộ nông dân, thừa nhận nông dân có 5 quyền sử dụng đất. Ngoài ra nhà nước còn ban hành các

Đề án KTCT

chính sách, các chương trình dự án nhằm hỗ trợ vốn cho các hộ nông dân làm giàu và phát triển kinh tế như: chỉ thị số 202- về cho vay vốn sản xuất Nông - Lâm nghiệp đến hộ sản xuất. Quyết định 327 - ct...rồi quyết định Trung Ương V khoá 7, nghị quyết trung ương I khoá VIII đã vạch ra đường lối chiến lược, tạo ra bước ngoặt cơ bản cho sự đổi mới và phát triển nông nghiệp, nông thôn như phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn như phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững và toàn diện kinh tế xã hội ở địa phương. Đường lối chiến lược trên đã giải phóng và phát huy triệt để mọi tiềm năng kinh tế hộ gia đình nông dân trong điều kiện kinh tế thị trường, chuẩn bị những điều kiện chín muồi cho sự ra đời của một hình thức kinh tế mới: kinh tế trang trại.

Đến nay kinh tế trang trại đã được hình thành và phát triển trên khắp các vùng của cả nước, đặc biệt phát triển mạnh ở miền nam, trung du và miền núi, ven biển. Đã xuất hiện mô hình trang trại như: trang trại thuần nông, trang trại thuần lâm nghiệp, trang trại chuyên chăn nuôi, trang trại chuyên nuôi trồng thuỷ sản, trang trại phát triển tổng hợp nông lâm nghiệp, nông ngư nghiệp, nông lâm ngư nghiệp, kết hợp với công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hoặc dịch vụ...

PHẦN II

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở NƯỚC TA

1. VÀI NÉT VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI.

Trên thế giới kinh tế trang trại xuất hiện từ cuối thế kỷ thứ XVII đầu thế kỷ XVIII, trải qua vài thế kỷ tồn tại và phát triển kinh tế trang trại được khẳng định là mô hình kinh tế phù hợp đath hiệu quả cao trong sản xuất nông ngư nghiệp ở mỗi khu vực, mỗi quốc gia đều có điều kiện tự nhiên khác nhau, phong tục tập quán khác nhau cho nên có các mô hình trang trại khác nhau.

Loại hình trang trại gia đình sử dụng sức lao động trong gia đình là chính, kết hợp thuê nhân công phụ theo mùa vụ, là mô hình sản xuất phổ biến trong nền nông nghiệp thế giới.

Châu Âu cái nôi của cuộc cách mạng công nghiệp lần I đã xuất hiện hình thức tổ chức trang trại nông nghiệp sản xuất hàng hoá thay thế cho hình thức sản xuất tiểu nông và hình thức điền trang của các thế lực phong kiến quý tộc.

Ở nước Anh đầu thế kỷ thứ XVII sự tập trung ruộng đất đã hình thành lên những xí nghiệp công nghiệp tư bản tập trung trên quy mô rộng lớn cùng với việc sử dụng lao động làm thuê. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp ở đây giống như mô hình hoạt động của các công xưởng công nghiệp, thực tế cho thấy, sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô và sử dụng nhiều lao động làm thuê đã không dễ dàng mang lại hiệu quả mong muốn.

Sang đầu thế kỷ XX, lao động nông nghiệp bắt đầu giảm, nhiều nông trại đã bắt đầu giảm lao động làm thuê. Khi ấy thì 70 - 80% nông trại gia đình không thuê lao động. Đây là thời kỳ thịnh vượng của nông trại gia đình, vì khi lao động nông nghiệp giảm thì sự phát triển của công

Đề án KTCT

nghiệp, dịch vụ đã thu hút lao động nhanh hơn độ tăng của lao động nông nghiệp.

Tiếp theo nước Anh, các nước: Pháp, Ý, Hà lan, Đan mạch, Thụy điển... sự xuất hiện và phát triển kinh tế trang trại gia đình ngày càng tạo ra nhiều nông sản hàng hoá, đáp ứng nhu cầu của công nghiệp hoá. Với vùng Bắc Mỹ xa xôi mới được tìm ra sau phát kiến địa lý vĩ đại, dòng người khải thực từ Châu Âu vẫn tiếp tục chuyển đến Bắc Mỹ và chính công cuộc khải thực trên quy mô rộng lớn đã mở đường cho kinh tế trang trại ở Bắc Mỹ phát triển.

Ở Châu Á, chế độ phong kiến lâu dài kinh tế nông nghiệp sản xuất hàng hoá ra đời chậm hơn. Tuy vậy, vào cuối thế kỷ thứ XIX và đầu thế kỷ thứ XX sự xâm nhập của tư bản phương tây vào các nước Châu Á, cùng việc thu nhập phương thức sản xuất kinh doanh tư bản chủ nghĩa đã làm nảy sinh hình thức kinh tế trang trại trong nông nghiệp. Trong quá trình phát triển kinh tế trang trại ở các nước trên thế giới đã có sự biến động lớn về quy mô, số lượng và cơ cấu trang trại. Nước Mỹ là nơi có kinh tế trang trại rất phát triển. Năm 1950 ở Mỹ có 5648000 trang trại và giảm dần số lượng đến năm 1960 còn 3962000 trang trại. Trong khi đó diện tích bình quân của trang trại tăng lên, năm 1950 là 56 ha, năm 1960 là 120 ha năm 1970 là 151 ha năm 1992 là 198,7 ha.

Nước Anh năm 1950 là 543000 trang trại, đến năm 1957 còn 254000 trang trại. Tốc độ giảm bình quân trang trại hàng năm là 2,1%.

Nước Pháp năm 1955 có 2285000 trang trại, đến năm 1993 chỉ còn 801400 trang trại. Tốc độ giảm bình quân hàng năm là 2,7%. Diện tích bình quân của các trang trại qua các năm có xu hướng tăng lên ở Anh năm 1950 diện tích bình quân 1 trang trại là 36 ha, năm 1987 là 71 ha. Ở pháp năm 1955 diện tích bình quân 1 trang trại là 14 ha đến năm 1993 là 35ha. Cộng hoà liên bang Đức năm 1949 là 11 ha năm 1985 là 15 ha, Hà Lan năm 1960 là 7 ha đến năm 1987 là 16 ha.

Đề án KTCT

Như vậy ở các nước Tây Âu và Mỹ số lượng các trang trại đều có xu hướng giảm còn quy mô của trang trại lại tăng ở Châu Á, kinh tế trang trại có những đặc điểm khác với trang trại ở các nước Tây Âu và Mỹ. Do đất canh tác trên đầu người thấp, bình quân 0,15 ha/người. Đặc biệt là các nước vùng Đông Á như: Đài Loan 0,047 ha/người, Malaixia là 0,25 ha/người, Hàn quốc 0,053 ha/người, Nhật bản là 0,035 ha/người trong khi đó ở các quốc gia và vùng lãnh thổ này dân số đông lên có ảnh hưởng đến quy mô trang trại. Ở các nước Châu Á có nền kinh tế phát triển như Nhật Bản, Đài Loan. Hàn Quốc, sự phát triển trang trại diễn ra theo quy luật số lượng trang trại giảm, quy mô trang trại tăng. Nhật Bản: năm 1950 số trang trại là 6176000 đến năm 1993 số trang trại còn 3691000. Số lượng trang trại giảm bình quân hàng năm là 1,2%. Diện tích trang trại bình quân năm 1950 là 0,8 ha năm 1993 tăng lên là 1,38 ha, tốc độ tăng bình quân là 1,3%.

Ở Đài loan và Hàn Quốc trang trại cũng phát triển theo quy luật chung: khi bước vào công nghiệp hoá thì trang trại phát triển nhanh , khi công nghiệp đã phát triển thì trang trại đã giảm về số lượng (xem biểu số 1.2)

BIỂU SỐ 1: SỰ PHÁT TRIỂN TRANG TRẠI Ở ĐÀI LOAN.

	1955	1960	1970	1979
1. Số lượng trang trại (1000 cơ sở)	744	808	916	1772
2. Diện tích bình quân(ha/ trang trại)	1,22	0,91	0,91	1,2

BIỂU SỐ 2: SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HÀN QUỐC.

Đề án KTCT

	1950	1965	1975	1979
1. Số lượng trang trại (1000 cơ sở)	2249	2507	2373	1772
2. Diện tích bình quân(ha/ trang trại)	0,86	0,9	0,94	1,2

Ở các nước Thái lan, Philippin, Ấn Độ , đây là những nước mới bắt đầu đi vào công nghiệp hoá, kinh tế trang trại đang trong thời kỳ tăng dần về số lượng (xem biểu số 3,5,4).

BIỂU SỐ 3: SỰ PHÁT TRIỂN TRANG TRẠI Ở THÁI LAN.

	1963	1978	1982	1988
1. Số lượng trang trại (1000 cơ sở)	2314	4018	4464	5245
2. Diện tích bình quân(ha/ trang trại)	3,5	3,72	3,56	4,52

BIỂU SỐ 4: SỰ PHÁT TRIỂN TRANG TRẠI Ở PHILIPPIN.

	1948	1960	1971	1980
1. Số lượng trang trại (1000 cơ sở)	1639	2177	2354	3420
2. Diện tích bình quân(ha/ trang trại)	3,40	3,53	3,61	2,62

BIỂU SỐ 5: SỰ PHÁT TRIỂN TRANG TRẠI ẤN ĐỘ.

	1953	1961	1971	1985
1. Số lượng trang	44354	50765	57070	97720

Đề án KTCT

trại (1000 cơ sở)				
2. Diện tích bình quân(ha/ trang trại)	3,01	2,6	2,18	1,68

Như vậy lúc bắt đầu, công nghiệp hoá đã tác động tích cực đến sản xuất Nông - Lâm nghiệp do đó số lượng các trang trại tăng nhanh. Nhưng khi công nghiệp hoá đến mức tăng cao thì một mặt công nghiệp thu hút lao động từ nông nghiệp mặt khác nó lại tác động làm tăng năng lực sản xuất của các trang trại bằng việc trang bị máy móc thiết bị thay thế lao động thủ công, đồng thời trong nông nghiệp sử dụng ngày càng nhiều các chế phẩm công nghiệp. Do vậy số lượng các trang trại giảm đi nhưng quy mô diện tích, đầu động vật nuôi lại tăng lên, tất nhiên còn có sự tác động của thị trường thể hiện ở nhu cầu về số lượng, chất lượng sản phẩm từ nông nghiệp tăng nhanh, người lao động, chủ trang trại tích lũy nhiều kinh nghiệm cũng như trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn cũng được nâng cao.

- Ruộng đất: Phần lớn trang trại sản xuất trên ruộng đất thuộc sở hữu của gia đình. Nhưng cũng có những trang trại phải hình thành một phần ruộng đất hoặc toàn bộ tùy thuộc vào từng người, ở Pháp năm 1990: 70% trang trại gia đình có ruộng đất riêng, 30% trang trại phải lãnh canh một phần hay toàn bộ. Ở Anh: 60% trang trại có ruộng đất riêng, 22% lãnh canh một phần, 18% lãnh canh toàn bộ. ở Đài Loan năm 1981: 84% trang trại có ruộng đất riêng, 9% trang trại lãnh canh một phần và 7% lãnh canh toàn bộ.

- Vốn sản xuất : trong sản xuất và dịch vụ, ngoài nguồn vốn tự có các chủ trang trại còn sử dụng vốn vay của ngân hàng nhà nước và tư nhân, tiền mua hàng chịu các loại vật tư kỹ thuật của các cửa hàng và công ty dịch vụ. Năm 1960 vốn vay tín dụng của các trang trại Mỹ là 20

Đề án KTCT

tỷ USD, năm 1970 là 54,5 tỷ USD bằng 3,7 lần thu nhập thuần túy của các trang trại và năm 1985 bằng 6 lần thu nhập của các trang trại.

- Máy móc và trang thiết bị phục vụ sản xuất: ở châu Âu 70% trang trại gia đình mua máy dùng riêng. Ở Mỹ 35 % số trang trại, ở Miền Bắc, 75% trang trại ở Miền tây, 52% trang trại ở miền nam có máy riêng. Nhờ trang trại lớn ở Mỹ, Tây Đức, sử dụng máy tính điện tử để tổ chức sử dụng kinh doanh trồng trọt và chăn nuôi. Còn ở Châu Á như Nhật Bản, năm 1985 có 67% số trang trại có máy kéo nhỏ và 20% có máy kéo lớn ở Đài Loan năm 1981 bình quân một trang trại có máy kéo 2 bánh là 0,12 chiếc, máy cày 0,05 chiếc, máy liên hợp thu hoạch 0,02 chiếc, máy sấy 0,03 chiếc, với việc trang bị máy móc như trên, các trang trại ở Đài Loan đã cơ giới hoá 95% công việc làm đất, 91% công việc cấy lúa 80% gặt đập và 50% việc sấy hạt. Tại Hàn Quốc, đến năm 1983 trang bị máy kéo nhỏ 2 bánh, máy bơm nước, máy đập lúa đã vượt mức đề ra đối với năm 1986 và 30% các trang trại đã có 3 máy nông nghiệp, máy kéo nhỏ, 23% sử dụng chung máy kéo lớn. Ở Philippin 31% trang trại sử dụng chung ô tô vận tải ở nông thôn, 10% sử dụng chung máy bơm nước và 10% sử dụng chung máy tuốt lúa, việc sử dụng chung đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Lao động: do mức độ cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp đạt mức độ cao lên số lượng và tỷ lệ lao động làm việc trong các trang trại ở các nước phát triển và chỉ chiếm 10% tổng lao động xã hội ở Mỹ các trang trại có thu nhập 100.000USD/năm không thuê lao động, các trang trại có thu nhập từ 100.000- 500.000USD/năm thuê từ 1 - 2 năm lao động. Ở Tây Âu và Bắc Mỹ, bình quân 1 trang trại có quy mô diện tích từ 25 - 30 ha chỉ sử dụng 1 - 2 lao động gia đình và 1 - 2 lao động thuê ngoài làm theo thời vụ. Ở Châu á như Nhật Bản: năm 1990 mỗi trang trại có khoảng 3 lao động, nhưng chỉ có 1/3 lao động làm nông nghiệp. Ở Đài Loan năm 1985, mỗi trang trại có 1,3 lao động, số lao động dư thừa đi làm việc ngoài nông

Đề án KTCT

ngiệp, hoặc làm nông nghiệp một phần còn một số nước đang phát triển ở Châu á tốc độ tăng dân số trong thời kỳ công nghiệp hoá vẫn nhanh. Vì vậy việc giúp lao động ra khỏi nông nghiệp rất khó khăn làm cho một số nước quy mô trang trại cũng tăng và nông dân.

- Cơ cấu trong tổng thu nhập của các trang trại cũng có sự biến đổi: trang trại chuyên môn làm nông nghiệp thì giảm xuống, còn trang trại làm một phần lâm nghiệp. Kết hợp với ngành nghề phi nông nghiệp lại tăng lên. Ở Nhật Bản năm 1945 có 53,4% trang trại chuyên làm nông nghiệp 46,5% trang trại làm một phần nông nghiệp tăng lên 85%. Cơ cấu thu nhập của trang trại cũng vậy, năm 1954 trong tổng thu thì thu nhập phi nông nghiệp ở Đài Loan năm 1955 có 40a5 trang trại chưa làm nông nghiệp và 60% ,làm một phần nông nghiệp nhưng đến năm 1980 trang trại chuyên nông nghiệp chiếm 9% còn 91 % làm một phần nông nghiệp kết hợp với ngành nghề phi nông nghiệp. Như vậy cơ cấu thu nhập của các trang trại chuyên làm nông nghiệp ngày càng giảm, còn các trang trại làm 1 phần nông nghiệp và phi nông nghiệp thì lại tăng lên.

- Quan hệ của trang trại trong cộng đồng: Sự hình thành và phát triển của trang trại chịu tác động lớn của các đơn vị sản xuất (tư nhân, HTX, nhà nước...) và các đơn vị dịch vụ (Ngân hàng thông tin liên lạc...) trên địa bàn. Trang trại mua từ thị trường các hàng hoá phục vụ cho sản xuất và đời sống đồng thời bán ra thị trường nông sản phẩm mà mình sản xuất ra. Sản xuất càng phát triển thì mối quan hệ của trang trại với thị trường và các tổ chức trên địa bàn ngày càng chặt chẽ và không thể thay thế. Ở Nhật bản hiện nay 99,20% số trang trại gia đình tham gia các hoạt động của trên 4000 HTX nông nghiệp ở các cơ sở làng, xã, có hệ thống dọc trên huyện, tỉnh và cả nước. Các HTX này thực hiện việc cung ứng đầu vào, tiêu thụ sản phẩm của các trang trại. Ở Đài Loan hình thành một hệ thống đưa tiến bộ KHKT về sản xuất tới từng làng xã như trung tâm mạ (RNC). Năm 1990 có 1785 NRC phục vụ toàn bộ diện tích cấy lúa 2

Đề án KTCT

vụ của Đài Loan. Ngoài ra còn tổ chức nhiều hình thức kết hợp như: Hiệp hội những chủ trang trại, hiệp hội sử dụng nước, hiệp hội những người đánh cá những HTX tiêu thụ quả. Ở Mỹ các th hoạt động luôn có quan hệ với hệ thống - tổ hợp công nông nghiệp AG RYBUSYNESS bao gồm các ngành: sản xuất, chế biến, dịch vụ kỹ thuật và tiêu thụ nông sản. Ngoài ra các trang trại còn có mối quan hệ với HTX tín dụng, HTX cung ứng vật tư kỹ thuật HTX tiêu thụ... các HTX này đã cung cấp cho các trang trại 30 % lượng phân bón, 27% thức ăn gia súc và đảm bảo tiêu thị trên 30% sản lượng nông sản do trang trại sản xuất Ngoài ra sự phát triển của các trang trại còn có sự tác động lớn của các chính sách và pháp luật của chính phủ ban hành. Ở Pháp cuộc cách mạng năm 1789, ruộng đất của các địa chủ lớn đã chuyển cho nông dân và nhà tư bản. Ở Nhật Bản nhà nước cho các trang trại vay vốn tín dụng lãi suất thấp từ 3,5 - 7,5% / năm để tái tạo đồng ruộng, mua sắm máy móc. Nhà nước trợ cấp cho các nông trại 1/2 đến 1/3 giá bán các loại máy móc nông nghiệp mà nhà nước cần khuyến khích. Bên cạnh đó còn có các chính sách ổn định và giảm tô để khuyến khích sản xuất nông nghiệp, chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tiện lợi cho việc phát triển kinh tế và giao lưu văn hoá.

- Từ quá trình hình thành và phát triển kinh tế trang trại trên thế giới.

+ Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hình thức trang trại là hình thức thích hợp và đạt hiệu quả kinh tế

+ Quy mô trang trại ở mỗi nước khác nhau nhưng xu hướng chung là tăng lên. Trước tiên là tăng về quy mô diện tích, đầu động vật nuôi, tăng thân máy móc thiết bị và công nghệ tiên tiến ... từ đó giá trị sản phẩm hàng hoá cũng tăng. Việc mở rộng quy mô sản xuất và gắn liền với quy trình công nghiệp hoá.

Đề án KTCT

+ Cơ cấu thu nhập của trang trại có sự thay đổi, lúc đầu chủ yếu thu về nông nghiệp nhưng càng phát triển thì thu từ nông nghiệp giảm trong khi thu từ ngành nghề phi nông nghiệp tăng.

+ Đất đai của trang trại gồm nhiều loại sở hữu khác nhau trong đó chủ yếu là đất thuộc sở hữu của hộ gia đình. Người chủ trang trại có toàn quyền quyết định về cách sử dụng đất đai đó sao cho có hiệu quả nhất.

+ Hệ thống dịch vụ cung ứng đầu vào đầu ra tương đối tiện lợi thị trường rộng khắp đảm bảo cho các trang trại đi sâu vào sản xuất chuyên môn hoá.

+ Các trang trại sử dụng lao động làm thuê, đồng thời chủ trang trại cũng là người lao động, họ có trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất.

+ Chính phủ có vai trò rất quan trọng trong việc tạo điều kiện cho các trang trại hình thành và phát triển. Chính phủ ban hành các chính sách về ruộng đất, chính sách về vốn với lãi suất ưu đãi, chính sách trợ giá, chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng... đã từng bước tạo dựng môi trường cho các trang trại phát triển.

2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA TRONG CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ

1. Quá trình hình thành kinh tế trang trại ở Việt Nam.

* Kinh tế trang trại Việt Nam thời kỳ phong kiến dân tộc (thế kỷ - giữa thế Kỷ XIX) .

Trong thời kỳ phong kiến dân tộc một số triều đại phong kiến đã có chính sách khai khẩn đất hoang bằng cách lập đồn điền, doanh điền, được biểu hiện dưới các hình thức khác nhau: điền trang, điền doanh, thái ấp...

Thời kỳ Lý Trần: do nhu cầu phát triển kinh tế nông nghiệp và góp phần giải quyết nạn phiêu tán, tập trung nhân lực xây dựng cơ sở kinh tế cho từng lớp quý tộc được biểu hiện qua nhiều cách thức như điền trang, thái ấp , đồn điền.

Đề án KTCT

- Thời Lê Nguyễn: hình thức sản xuất nông nghiệp lúc này là các trại ấp, gồm

- Trại ấp ban cấp và trại ấp khai hoang do các quan lại và các công thần cai quản. Những trại ấp ở thời kỳ này đã có vai trò tích cực trong phát triển sản xuất nông nghiệp, mở rộng diện tích canh tác sử dụng nguồn nhân lực của địa phương và tù binh.

* Kinh tế trang trại Việt Nam thời kỳ pháp thuộc.

Mục đích chủ yếu của kinh tế trang trại trong thời kỳ này là nhằm vào việc khai thác những vùng lãnh thổ rộng lớn mà chúng ta đạt được. Thiết lập ở đó các đồn điền tăng sức sản xuất ở khu vực thuộc địa thông qua đó dễ phát triển mối quan hệ về thương mại quốc tế, chính phủ thuộc địa đã có nhiều chính sách và biện pháp trực tiếp thúc đẩy sự ra đời đồn điền của người pháp ở Việt Nam như: chính sách ruộng đất, chính sách thuế, chính sách khen thưởng ...

* Kinh tế trang trại Việt Nam thời kỳ 1954 - 1990.

- Thời kỳ 1954 - 1975: Trước những năm 1975 nền công nghiệp miền bắc mang nặng tính kế hoạch hoá tập trung và có các hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu như: các nông lâm trường quốc doanh, các HTX nông nghiệp, ruộng đất tư liệu sản xuất được tập trung hoá, kinh tế tư nhân bị thu hẹp tuy vậy hiệu quả kinh tế của sản xuất nông nghiệp trong thời kỳ này rất thấp kém.

- Ở miền nam trong thời kỳ 1954 - 1975 các hình thức tổ chức sản xuất ở vùng tạm chiến chủ yếu là các đồn điền, dinh điền, các HTX kinh tế hộ gia đình sản xuất hàng hoá.

- Thời kỳ 1975 lại đây.

Từ cuối những năm 1970 hiệu quả sản xuất thấp kém trong các HTX ở miền bắc dẫn đến sự khủng hoảng của mô hình tập thể hoá nông nghiệp. Trong thập niên 80, đặc biệt là đại hội VI của Đảng 12/1986 đã đề ra các chủ trương đổi mới nền kinh tế nước ta tiếp đó Bộ Chính Trị có

Đề án KTCT

ng nghị quyết 10 (4/1988) về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp và khẳng định hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ.

Với mục tiêu giải phóng sản xuất phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, chuyển nền nông nghiệp nước ta sang sản xuất hàng hoá, nghị quyết 10 đã đề ra chủ trương giải pháp cơ bản để phát triển kinh tế hộ.

Sau nghị quyết 10, đảng và nhà nước đã ban hành nhiều văn bản , nghị quyết, luật đất đai, luật dân sự, luật doanh nghiệp, luật đầu tư và các nghị định nhằm thể chế hoá chính sách đối với kinh tế tư nhân trong nông nghiệp.

Ng nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ V khóa VII năm 1993 đã chủ trương khuyến khích phát triển các nông lâm ngư nghiệp trang trại với quy mô thích hợp, luật đất đai năm 1983 và nghị quyết 64/KP ngày 27/9/1993 cũng đã thể chế hoá chính sách đất đai đối với các hộ gia đình và cá nhân trong việc kinh doanh nông nghiệp. Đại hội đảng toàn quốc lần thứ VII năm 1996 và sau đó, nghị quyết hội nghị trung ương lần thứ 4 (khóa VIII) tiếp tục khuyến khích phát triển kinh tế trang trại. ở hầu hết các địa phương, trong những năm gần đây, kinh tế trang trại đã phát triển rất nhanh chóng, nhiều địa phương đã có những chính sách cụ thể khuyến khích phát triển loại hình kinh tế này.

Theo số liệu điều tra khảo sát của các địa phương dựa vào hướng dẫn sơ bộ về khái niệm và tiêu chí nhận dạng trang trại của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn . Hiện nay nước ta có khoảng trên 113.000 trang trại tập trung chủ yếu ở đồng bằng Sông Cửu Long, đồng bằng Sông hồng, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và trung du miền núi phía bắc.

a. Về quy mô đất canh tác của mỗi trang trại.

- Với các tỉnh phía bắc, bình quân đất sản xuất của mỗi trang trại trên 4ha, 2 ha chiếm 56%, 10 ha chiếm 38.3%, 10 - 30 ha chiếm 0,6 %, chưa có trang trại nào đến vài trăm ha.

Đề án KTCT

- Với các tỉnh phía nam, đất sản xuất bình quân của một trang trại ở Gia Lai là 4,29 ha, Đắk Lắk 6,3 ha, Bình Dương 10ha, Bình Định 8 ha, Quảng Nam 2 ha, Bình Thuận 7 - 8 ha, Thành phố HCM 2ha, ước tính đất bình quân của một trang trại Việt Nam là 8 - 10 ha.

Như vậy đất canh tác sản xuất nông lâm nghiệp của các tỉnh miền bắc là thấp hơn các tỉnh phía nam. Nói chung thì theo điều tra kinh tế trang trại đang phát triển mạnh ở các vùng trung du, miền núi, ven biển đó là những nơi có tiềm năng đất đai lớn.

b. Về lao động của mỗi trang trại.

- Với các tỉnh phía bắc, với trang trại trồng cây lâu năm như cây ăn quả, diện tích 2 ha đất canh tác thì ngoài 2 - 3 lao động gia đình cũng chỉ cần thuê mướn 1 lao động thường xuyên, từ 2 - 5 ha thuê 2 - 3 lao động từ 5 - 10 ha thuê 3 - 5 lao động từ 10 - 20 ha thuê 6 - 10 lao động như vậy lao động thuê bình quân trang trại phía bắc chỉ 2 - 40 lao động thời vụ 3 - 40 lao động với mức lương khoảng 250000 – 300000 đồng / tháng.

- Các tỉnh phía nam sử dụng Lao động cần cho hoạt động sản xuất của mỗi trang trại thường lớn hơn các tỉnh phía bắc, do quy mô đất canh tác, tính chất tập trung hàng hoá cao hơn. Tính bình quân một trang trại phía nam thuê lao động thường xuyên trong năm là 8 - 10 lao động tiền lương được trả 500.000 hoặc 600.000 đồng / tháng.

c. Vốn đầu tư của trang trại.

Theo các tài liệu nghiên cứu điều tra, báo cáo của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn viện kinh tế nông nghiệp của các Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn các tỉnh, thì vốn đầu tư cho trang trại của các tỉnh phía bắc là khoảng từ 50 - 80 triệu đồng. Ở các tỉnh phía nam vốn đầu tư lớn hơn ít nhất khoảng 50 triệu đồng cao nhất là 4 tỷ đồng. Bình Dương bình quân một trang trại là 250 triệu đồng. Đáng chú ý là nguồn vốn tự có trên 81%, vốn vay ngân hàng từ 3 - 5% vốn vay của chương trình (ngoài chương trình 327 nếu có) không đáng kể còn lại vay các nguồn khác.

2. Các chỉ tiêu phân tích.

Căn cứ vào đặc điểm và tình hình kinh tế phát triển kinh tế trang trại ở Việt Nam. Em xin được đưa ra một số chỉ tiêu để phản ánh và đánh giá thực trạng của kinh tế trang trại trong quá trình nghiên cứu.

a. Các chỉ tiêu phản ánh các yếu tố sản xuất.

- Đất đai bình quân một trang.
- Vốn sản xuất bình quân một trang trại.
- Lao động bình quân một trang trại.

Cơ cấu lao động theo loại lao động (lao động gia đình và lao động thuê ngoài).

b. Các chỉ tiêu phản ánh kết quả, chi phí, hiệu quả và tình hình sản xuất hàng hoá.

* Chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh của trang trại .

- Tổng đầu tư của trang trại là tổng giá trị tính bằng tiền của các loại sản phẩm sản xuất ra ở trang trại bao gồm phần giá trị để lại tiêu dùng (bao gồm tiêu dùng cho sinh hoạt và tiêu dùng cho tái sản xuất) + (sản phẩm bán ra trên thị trường).

- Tổng chi phí là toàn bộ các khoản chi phí vật chất bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu. Giống, Phân bón, thuốc trừ sâu, lao động thuê và các khoản dịch vụ thuê ngoài: bảo vệ thực vật dịch vụ thuỷ lợi.

- Thu nhập: là giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ cho các ngành sản xuất tạo ra trong một năm hay một chu kỳ trong sản xuất kinh doanh.

Lợi nhuận được tính theo công thức: $TN = TR - TC$.

Trong đó:

TN : Thu nhập.

TR : tổng doanh thu.

TC : Tổng chi phí.

* Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế:

- Doanh thu/ tổng chi phí = Tổng doanh thu/Tổng chi phí.

Đề án KTCT

Chỉ tiêu này cho biết cứ 1 đồng chi phí bỏ ra cho sản xuất kinh doanh thì trang trại thu được bao nhiêu đồng doanh thu.

$$\text{- Lợi nhuận/Tổng chi phí} = \text{Tổng lợi nhuận/Tổng chi phí.}$$

Chỉ tiêu này cho biết cứ 1 đồng chi phí bỏ ra cho sản xuất kinh doanh thì trang trại thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận.

$$\text{- Doanh thu/lao động} = \text{Tổng doanh thu/Tổng lao động.}$$

Chỉ tiêu này cho biết cứ 1 lao động tham gia sản xuất thì trang trại thu được bao nhiêu đồng thu nhập.

$$\text{- Doanh thu/Diện tích} = \text{Tổng doanh thu / tổng Diện tích canh tác .}$$

Chỉ tiêu này cho biết cứ 1 trang trại canh tác thì trang trại thu được bao nhiêu đồng thu nhập.

$$\text{- Thu nhập / Diện tích} = \text{Tổng thu nhập / Tổng diện tích canh tác.}$$

Chỉ tiêu này cho biết 1 đơn vị diện tích canh tác thì trang trại thu được bao nhiêu đồng thu nhập.

3. Tình hình chung về phát triển kinh tế trang trại ở Việt nam.

Mặc dù đã xuất hiện từ rất lâu, nhưng kinh tế trang trại ở Việt nam chỉ phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, có thể xem thực hiện chỉ thị 100 Ban bí thư TW khoá IV, NQ10 của Bộ chính trị về phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ nông dân và đặc biệt sau khi luật đất đai ra đời năm 1993 thì kinh tế trang trại thực sự có bước phát triển khá nhanh và đa dạng.

Nếu theo quy định của tổng cục thống kê về tiêu chuẩn trang trại (Quyết định số 359/1998/QĐ - TCTK ngày 01/07/1998) thì cả nước có 45.372 trang trại. Trong đó chia theo hướng sản xuất có 37.949 trang trại trồng cây công nghiệp lâu năm và cây hàng năm, chiếm 83,6%; 1306 trang trại nuôi trồng thuỷ sản, chiếm 3,8%; 2559 trang trại kinh doanh tổng hợp đa ngành, chiếm 5,6%.

Chia theo vùng kinh tế: Vùng Đông Bắc có 3.491 trang trại, chiếm 7,7%; Vùng Tây Bắc có 238 trang trại chiếm 0,5%; Vùng Đồng Bằng Sông Hồng có 1394 trang trại chiếm 9,2%; Vùng Duyên Hải Miền Trung có 2.706 trang trại,

Đề án KTCT

chiếm 4,6%; Vùng Tây Nguyên có 6.333 t, chiếm 4,6%; Vùng Tây Nguyên có 6.333 trang trại, chiếm 13,6%; Vùng Đông Nam Bộ có 8402 trang trại, chiếm 18,5%; Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long có 19259 trang trại, chiếm 42,4%.

Số LĐ bình quân/ trang trại là 2,8 người, lao động thuê ngoài theo thời vụ 11,5 người. Bình quân 1 trang trại trồng trọt có 5,3 ha đất nông nghiệp, lâm nghiệp có 26,8ha nuôi trồng thủy sản có 10,7ha. chăn nuôi có 528 con trâu,bò; 530 con gia cầm. Vốn sản xuất bình quân của 1 trang trại là 60,2 triệu đồng; thu nhập bình quân 1 trang trại là 22,6 triệu đồng (thu nhập đã trừ chi phí).

Về quy mô diện tích của mỗi trang trại ở nước ta theo điều tra của cục thống kê cho thấy: trang trại < 1ha chiếm 15%; từ 1 - 5 ha chiếm 28%; từ 5- 10 ha chiếm 34%; từ 10- 20 ha chiếm 16%; từ 20 - 50 ha chiếm 4% và trên 50 ha chiếm 3%.

Ngoài việc góp phần làm giàu cho các chủ trang trại, phát triển kinh tế trang trại ở Việt nam trong những năm qua đã giải quyết việc làm tại chỗ cho hơn 50.000 lao động làm thuê thường xuyên và 520.000 lao động làm thuê theo thời vụ tạm thời ở nông thôn. Tổng số vốn huy động đầu tư phát triển kinh tế trang trại ước tính là 2.730,8 tỷ đồng, thu nhập hàng năm từ các hoạt động kinh tế của trang trại là 1.023,6tỷ đồng. Ngoài ra các trang trại còn đóng góp đáng kể vào việc bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao độ che phủ của rừng từ 22% lên 28%. kinh tế trang trại đã tự khẳng định vai trò của mình trên hầu khắp các vùng kinh tế: đồi núi, đồng bằng, ven biển.

Vùng đồi núi nước ta từ Bắc Bộ đến Trung Bộ, Tây nguyên và Đông Nam Bộ có lợi thế về quỹ đất phát triển nông - lâm nghiệp với 9,3 triệu ha đất rừng và 9,6 triệu ha đất trống đồi núi trọc, có thời tiết khí hậu thuận lợi cho phát triển trồng rừng, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc theo mô hình kinh tế trang trại. Trong những năm gần đây đã xuất hiện ngày càng nhiều các mô hình kinh tế trang trại của các hộ gia đình từ miền xuôi lên

Đề án KTCT

trồng rừng, trồng cây công nghiệp, cây cà phê, chè, hạt tiêu, điều, cao su...., chăn nuôi trâu bò với quy mô nhỏ, vừa và lớn.

Vùng ven biển: nước ta có triều dài bờ biển trên 2000km với các eo biển, bãi biển, đầm phá, rừng ngập mặn. Diện tích của vùng địa lý này ước tính vào khoảng 400.000ha là vùng lãnh hải rộng lớn có điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng, khai thác thủy hải sản. ở các vùng ven biển từ Bắc đến Nam đã xuất hiện các mô hình trang trại nuôi tôm, cua, cá, ngao..... với đủ mọi quy mô. Đến năm 1997, vùng ven biển có 15.666 trang trại có quy mô từ 5 - 20 ha.

Vùng Đồng Bằng: Đồng bằng là nơi sản xuất ra 70 - 80% sản lượng lương thực, thực phẩm của cả nước và là nơi xuất khẩu toàn bộ lúa gạo. Đồng bằng là nơi đất trọt, người đông, lao động dồi dào, cơ sở hạ tầng phát triển, gần thị trường, có điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất và tiêu thụ hàng hoá. Đồng Bằng Sông Cửu Long có quỹ đất tương đối dồi dào nên nhiều hộ nông dân đã thực hiện sản xuất theo mô hình trang trại với đủ mọi quy mô từ 1 - 30 ha. Có trên 50% tổng số 1,8 triệu hộ nông dân Đồng Bằng Sông Cửu Long sản xuất nông sản hàng hoá, trong đó khoảng 400.000 hộ nông dân là trang trại gia đình với nhiều dạng khác nhau thông qua đấu thầu đất đai, mặt nước hoang hoá, nhận khoán thâm canh, phát triển chăn nuôi, kinh doanh tổng hợp, nuôi trồng các loại cây con đặc sản như: hoa, cây cảnh, ba ba, rùa.

Ở vùng Đồng Bằng Sông Hồng hiện nay có ít nhất 10 - 12% số hộ nông dân sản xuất kinh doanh hàng hoá.

4. Nhận xét về tình hình và xu thế phát triển kinh tế trang trại ở Việt nam hiện nay:

- Mô hình kinh tế trang trại ngày nay phát triển rộng khắp trên mọi vùng kinh tế của đất nước và ngày càng chứng tỏ là loại hình sản xuất kinh doanh mới có hiệu quả trong nông nghiệp, nông thôn.

- kinh tế trang trại khá đa dạng về quy mô, loại hình sản xuất, cơ cấu ngành nghề, thành phần của chủ thể ... Nhưng đều đem lại hiệu quả kinh tế

Đề án KTCT

xã hội, môi trường sinh thái rõ rệt nhờ phát huy tốt nội lực, khai thác mọi nguồn tiềm năng, cơ hội của mình.

- Kết quả và hiệu quả kinh tế xã hội - môi trường lớn nhất là kinh tế trang trại đã góp phần biến những vùng đất hoang hoá, khô cằn hoặc ngập nước quanh năm thành những vùng kinh tế trù phú, tạo thêm việc làm, tăng của cải vật chất cho cộng đồng và xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, thực tế phát triển kinh tế trang trại ở Việt nam trong những năm qua đã đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi Nhà nước, các cấp, các ngành và trước hết là các chủ trang trại quan tâm nhằm:

Một mặt phát huy tốt nội lực của trang trại, mặt khác hạn chế những mặt trái của quá trình phát triển kinh tế trang trại gây ra như vấn đề công ăn việc làm ở nông thôn do tích tụ ruộng đất, tranh chấp đất đai, phá rừng nguyên sinh, rừng ngập mặn.., làm ảnh hưởng tới lợi ích của người nông dân, của cộng đồng, của xã hội trước mắt cũng như trong tương lai.

5. Các chỉ tiêu phân tích.

Căn cứ vào đặc điểm cụ thể của kinh tế trang trại tỉnh Sơn La, em xác định hệ thống chỉ tiêu sau để phản ánh và đánh giá thực trạng kinh tế trang trại của tỉnh trong quá trình nghiên cứu.

a. các chỉ tiêu phản ánh các yếu tố sản xuất của trang trại.

- Đất đai bình quân 1 trang trại .
- Vốn sản xuất bình quân một trang trại .
- Lao động bình quân một trang trại.

Cơ cấu lao động theo lao động(lao động gia đình, lao động thuê ngoài).

b. các chỉ tiêu phản ánh kết quả , chi phí hiệu quả và tình hình sản xuất hàng hoá của trang trại.

****các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh của trang trại.***

Tổng doanh thu của trang trại là tổng là tổng trang trại tính bằng tiền của các loại sản phẩm được sản xuất ra ở trang trại bao gồm phần giá trị để lại tiêu

Đề án KTCT

dùng (tiêu dùng cho sinh hoạt và cho tái sản xuất) và giá trị sản phẩm bán ra trên thị trường.

- Tổng chi phí: Là toàn bộ các khoản chi phí vật chất bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu: giống, phân bón, thuốc trừ sâu, lao động và các khoản chi phí dịch vụ bên ngoài: Bảo vệ thực vật, dịch vụ thủy lợi.

- Lợi nhuận : Là giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ do các ngành sản xuất tạo ra trong một năm hay một chu kỳ sản xuất kinh doanh.

Lợi nhuận được tính theo công thức : $TN=TR-CT$

Trong đó: TN: Lợi nhuận.

TR: Tổng doanh thu .

TC: Tổng chi phí.

*** Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế.**

$\text{Doanh thu / Chi phí} = \text{Tổng doanh thu / Tổng chi phí.}$

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đồng chi bỏ ra cho sản xuất kinh doanh thì trang trại thu được bao nhiêu đồng thu.

$\text{Lợi nhuận / Chi phí} = \text{Tổng lợi nhuận / Tổng chi phí.}$

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đồng chi bỏ ra cho sản xuất kinh doanh thì trang trại thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận.

$\text{Doanh thu / Lao động} = \text{Tổng doanh thu / Tổng số lao động .}$

Trong đó: Tổng số lao động bao gồm cả lao động gia đình và lao động thuê ngoài.

Chỉ tiêu này cho biết cứ một lao động tham gia vào sản xuất kinh doanh thì trang trại thu được bao nhiêu đồng doanh thu .

$\text{Thu nhập / Lao động} = \text{Tổng doanh thu / Tổng số lao động.}$

Chỉ tiêu này cho biết cứ một lao động tham gia vào sản xuất kinh doanh thì đưa lại cho trang trại bao nhiêu đồng thu nhập .

$\text{Doanh thu / Diện tích} = \text{Tổng doanh thu / Tổng diện tích .}$

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đơn vị diện tích (Ha) canh tác thì trang trại thu được bao nhiêu đồng thu nhập

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đơn vị diện tích (Ha) canh tác thì trang trại thu được bao nhiêu đồng doanh thu.

Đề án KTCT

Thu nhập / Diện tích = Tổng thu nhập / Tổng diện tích.

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đơn vị diện tích (ha) canh tác thì trang trại thu được bao nhiêu đồng thu nhập.

Trên đây là một số xu hướng có chủ yếu mà đề tài đưa ra để các trang trại xem xét và áp dụng sao cho phù hợp với điều kiện tự nhiên cũng như điều kiện kinh tế của trang trại.

PHẦN III

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI NÔNG NGHIỆP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Những quan điểm cơ bản về phát triển kinh tế trang trại.

1.1. Kinh tế trang trại là một trong những hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu của nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá ở nước ta trong những năm tới .

- Kinh tế trang trại là một trong những hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với những đặc điểm sản xuất nông nghiệp. đặc biệt là đất đai và sinh học.

- Kinh tế trang trại là một trong những hình thức tổ chức sản xuất mà người chủ phần lớn vừa phải quản lý vừa phải lao động. Quyền lợi của hộ gắn liền với thành quả mà hộ làm ra. Bởi vậy nó cho phép huy động và sử dụng các nguồn lực đầy đủ, hợp lý và có hiệu quả.

- Ở nước ta kinh tế trang trại tuy mới phát triển nhưng đã thể hiện rõ tính hơn hẳn so với kinh tế hộ, điều này đã chứng tỏ kinh tế trang trại đang tự khẳng định mình. Nó là hình thức tổ chức sản xuất thích hợp để chuyển nền nông nghiệp trong tình trạng lạc hậu, tự cấp, tự túc, sang sản xuất hàng hoá.

- Nâng cao năng suất lao động nhằm tăng thu nhập và lợi nhuận các trang trại phải đổi mới thường xuyên công cụ và công nghệ sản xuất. Như vậy kinh tế trang trại tạo động lực môi sinh thúc đẩy nông nghiệp nông thôn nước ta đi vào công nghiệp hoá hiện đại hoá.

1.2. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế.

Thực hiện đa dạng hoá các loại hình ở nước ta trong những năm tới, cần phải phát triển kinh tế trang trại gia đình bởi vì:

Đề án KTCT

- Trang trại gia đình dựa trên cơ sở các nguồn lực, đặc biệt là sức lao động gia đình là chủ yếu, do vậy trang trại gia đình đã được thừa kế những ưu việt của kinh tế hộ gia đình trong nông nghiệp.

- Trang trại gia đình hình thành từ hộ gia đình thông qua tích tụ và tập trung các nguồn lực sử dụng đặc biệt là sự tích lũy kinh nghiệm sản xuất, sự say mê với nghệ nông của những người nông dân tiên tiến ... vì vậy nó có cơ sở kinh tế xã hội vững chắc.

- Sự phát triển kinh tế trang trại theo hướng gia đình là chủ yếu cho phép quá trình chuyển nông nghiệp sang quá trình sản xuất hàng hoá diễn ra một cách nhanh chóng. Vì vậy nó thúc đẩy các hộ tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá.

- Phát triển trang trại gia đình là hình thức thích hợp để tạo việc làm, thu hút lao động, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động nông thôn, giải quyết vấn đề đói nghèo chính từ nông nghiệp, giải pháp mang tính khả thi nhất trong điều kiện nước ta hiện nay.

Bên cạnh phát triển kinh tế trang trại gia đình quan điểm này cho rằng Đảng và Nhà nước cần có chính sách khuyến nông phát triển các trang trại tư nhân với quy mô lớn ở các vùng hoang hoá, vùng đất trống đồi núi trọc để tận dụng vào sản xuất Nông-Lâm nghiệp, đồng thời góp phần giải quyết việc làm và nâng cao đời sống cho người lao động ở nông thôn.

1.3. Phát triển đa dạng các loại hình kinh doanh của chủ trang trại theo hướng tập trung hoá, chuyên môn hoá, phát huy lợi thế so sánh ở mỗi vùng đất nước:

Từng vùng sinh thái ở nước ta hiện nay có thể mạnh riêng, vì vậy hướng kinh doanh chính của trang trại sẽ rất đa dạng, tính đa dạng của các loại hình trang trại không chỉ biểu hiện ở những phương hướng kinh doanh khác nhau khi sử dụng các yếu tố đầu vào và kết quả đầu ra của trang trại. Hơn nữa, đối với từng trang trại cụ thể bên cạnh hướng kinh

Đề án KTCT

doanh chính theo quy hoạch vùng, việc lựa chọn hướng kinh doanh bổ sung đa dạng cũng là yếu tố tạo nên tính đa dạng về loại hình sản xuất kinh doanh của trang trại.

1.4. Phát triển kinh tế trang trại trên mọi vùng đất nước, trong những năm trước mắt tập trung ở các vùng trung du, miền núi và những vùng có diện tích đất Nông-Lâm-Ngư nghiệp bình quân nhân khẩu cao:

Trong một vài năm tới, sự đầu tư ngày càng tăng của nhà nước cho nông nghiệp nông thôn và với sự nỗ lực cao của nông dân sản xuất nông nghiệp nước ta sẽ có bước phát triển đáng kể so với hiện nay, nhưng vẫn chưa trở thành nền nông nghiệp hiện đại, sản xuất nông nghiệp tuy tăng năng suất lao động còn thấp, thu nhập do khu vực này mang lại chưa cao, song nó vẫn là nơi giải quyết việc làm và thu nhập cho đại bộ phận lao động nông thôn. Điều này có nghĩa là, trong một vài năm tới ở những vùng đất chật người đông, khả năng tập trung ruộng đất vào một bộ phận nông dân có điều kiện và kinh nghiệm sản xuất để hình thành kinh tế trang trại sẽ diễn ra rất khó khăn. Theo quan điểm này cho rằng trước mắt cần phải tập trung phát triển mạnh kinh tế trang trại ở trung du, miền núi và những vùng có diện tích đất nông nghiệp bình quân nhân khẩu tương đối cao. Như vậy, chúng ta có thể khai thác thêm đất đai, Mặt nước nuôi trồng thủy sản, làm cho quy mô đất nông nghiệp tăng lên thu hút kinh doanh và giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập cho một bộ phận lao động đang dư thừa trong nông thôn, góp phần làm tăng khối lượng các loại nông sản hàng hoá đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đồng thời việc phát triển kinh tế trang trại ở các vùng hoang hoá, vùng đồi núi sẽ góp phần đáng kể vào việc tăng cường an ninh quốc phòng của đất nước và bảo vệ môi trường sinh thái.

1.5. Phát huy nội lực trong nông nghiệp, nông thôn, tạo bước phát triển của kinh tế trang trại nhằm thu hút các nguồn lực từ bên ngoài cho phát triển kinh tế trang trại:

Đề án KTCT

Các nguồn lực trong nông nghiệp nông thôn nước ta vẫn còn lớn, ngoài tiềm năng dồi dào của nguồn lao động, tiềm năng về đất đai, vốn, kinh nghiệm sản xuất... vẫn có thể khai thác để phát triển kinh tế trang trại.

Trên thực tế, sự phát triển nông nghiệp nói chung, kinh tế trang trại nói riêng những năm qua chủ yếu là khai thác các nguồn lực từ nông nghiệp, ở các địa phương, trang trại được hình thành từ sự tích góp ban đầu với nguồn vốn ít ỏi qua nhiều năm khai thác, tích lũy đã hình thành. Vì vậy phát triển nội lực đã tạo ra bước chuyển biến mới sự phát triển nông nghiệp nông thôn.

Tuy nhiên theo quan điểm này thì khai thác nội lực trong nông nghiệp, nông thôn, gắn với tăng cường sức mạnh của nội lực, trong đó đặc biệt chú ý một số vấn đề sau:

- Khai thác nguồn lực lao động phải gắn với quá trình phân công lao động xã hội, phải nâng cao chất lượng nguồn lao động và có chính sách khuyến khích những nguồn lực mới trong nông nghiệp.

- Khai thác đất đai phải gắn với bồi dưỡng và bảo vệ đất đai, tránh làm cho đất bị suy kiệt, lưu ý đến vấn đề môi sinh, môi trường.

- Cần có quan điểm nuôi dưỡng nguồn thu, tránh gây tâm lý không tốt khi ban hành các chính sách không phù hợp.

- Phát huy nội lực của nông nghiệp để phát triển kinh tế trang trại không chỉ nhằm khai thác các nguồn lực của bản thân nông nghiệp, mà còn tạo sức hút đầu tư của các ngành, các lĩnh vực vào phát triển kinh tế trang trại.

1.6. Phát triển kinh tế trang trại có sự quản lý của nhà nước.

Sự phát triển kinh tế trang trại ở nước ta trong những năm qua còn mang nặng tính tự phát, phân tán, thiếu hẳn hướng dẫn và giúp đỡ của nhà nước, bởi vậy các trang trại không gặp ít khó khăn trong hoạt động sản

Đề án KTCT

xuất kinh doanh, nhất là tìm kiếm vốn đầu tư, ứng dụng khoa học- công nghệ, nâng cao trình độ quản lý và chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Do đó, nếu thừa nhận kinh tế trang trại là một trong những hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp chủ yếu của nước ta trong tương lai thì chúng ta phải công nhận nó về mặt pháp lý và phải có cơ chế quản lý và chính sách thoả đáng, nhất là phải có văn bản pháp quy dưới hình thức nghị định của chính phủ về phát triển kinh tế trang trại, trong đó khẳng định kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất phù hợp và có những chính sách khuyến khích kinh tế trang trại phát triển như chính sách đất đai, tài chính, thuế, khoa học và công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, đào tạo bồi dưỡng đối với chủ trang trại.

2. Phương hướng chung về phát triển kinh tế trang trại.

Từ những quan điểm trên để thực hiện được đường lối đổi mới kinh tế nói chung, đổi mới nông nghiệp nói riêng, cho đến nay Đảng và Nhà nước đã có rất nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ cho việc phát triển nông nghiệp nông thôn.

Hội nghị TW 5 khoá VII Đảng ta đã đề ra chủ trương khuyến khích xây dựng các nông trại” ... khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các loại giống mới có hiệu quả kinh tế cao. Khuyến khích khai thác đồi núi trọc, bãi bồi ven biển, nuôi trồng thuỷ sản, đánh bắt ngoài khơi, xây dựng các Nông- lâm - ngư trại với quy mô thích hợp...”.

Trong nghị quyết hội nghị TW4 khoá VIII, phương hướng khuyến khích phát triển, kinh tế trang trại đã được xác định rõ thêm”... Kinh tế trang trại với các hình thức sở hữu khác nhau (sở hữu nhà nước, tập thể, tư nhân). Được phát triển chủ yếu để trồng cây dài ngày, chăn nuôi đại gia súc ở những nơi có nhiều ruộng đất, khuyến khích việc khai thác đất đai vào mục đích này”.

Nghị quyết 06 - NQ\TW của Bộ chính trị ngày 10/11/1998 đã chỉ rõ ở nông thôn hiện nay đang phát triển mặt hàng trang trại nông nghiệp, phổ

Đề án KTCT

biến là trang trại gia đình, thực chất là kinh tế hộ sản xuất hàng hoá quy mô lớn hơn, sử dụng lao động, tiền vốn của giúp đỡ là chủ yếu để sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Một bộ phận trang trại ngoài lao động của gia đình, có thêm lao động để sản xuất kinh doanh, quy mô diện tích đất canh tác xoay quanh mức hạn điền ở từng vùng theo quy định của pháp luật. Nhà nước có chính sách phát triển hình thức trang trại gia đình như các loại hình sản xuất khác của kinh tế hộ gia đình”.

Nghị quyết số 03-2000 NQ/CP về kinh tế trang trại nêu rõ những quan điểm chính gồm:

- Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp, nông thôn, được Nhà nước khuyến khích nhằm phát triển và bảo hộ, phát triển kinh tế trang trại nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai, vốn kỹ thuật, kinh nghiệm để mở rộng qui mô và nâng cao hiệu quả sản xuất Nông-Lâm-Ngư nghiệp góp phần tạo việc làm, tăng thêm thu nhập, xoá đói giảm nghèo, phân bổ lại dân cư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn mới.

Phát triển kinh tế trang trại được Nhà nước hỗ trợ về vốn, khoa học công nghệ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng kết cấu hạ tầng và tăng cường công tác quản lý nhà nước.

Như vậy, với các chủ trương trên, phương hướng về phát triển kinh tế trang trại ở nước ta trong thời gian tới là:

+ Trước hết cần làm rõ khái niệm, nhận dạng được các loại hình kinh tế trang trại đang hình thành và phát triển ở các địa phương để áp dụng các chính sách phù hợp. Có thể xác định trên cả nước có 2 loại hình trang trại được quan tâm là trang trại gia đình thực chất là kinh tế hộ sản xuất hàng hoá qui mô lớn hơn so với hộ gia đình. Trang trại tư nhân là trang trại đã đủ điều kiện đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần.

Đề án KTCT

+ Rà soát lại qui hoạch phát triển sản xuất Nông-Lâm-Ngư nghiệp của các tỉnh, thành phố, xác định các vùng phát triển trang trại chủ yếu là các vùng đất trống, đồi núi trọc ở trung du và miền núi, biên giới, hải đảo, đất hoang hoá, ao hồ, bãi bồi ven sông, ven biển, mặt nước eo vịnh đầm phá có thể sử dụng trong nông nghiệp tập trung hướng trong 5-10 năm tới, khai thác đưa vào sử dụng trong nông nghiệp khoảng 1 triệu ha, trồng và khoanh nuôi tái sinh 2 triệu ha rừng sản xuất.

+ Xác định phương hướng phát triển các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế đất đai, khí hậu của mỗi vùng có tính đến khả năng tiêu thụ sản phẩm, ở vùng đông dân hướng vào kinh doanh các loại sản phẩm có giá trị cao, yêu cầu ít đất, gắn với công nghiệp chế biến, thương mại và dịch vụ (làm giống, hoa cây cảnh).

+ Các địa phương rà soát lại các trang trại tiện có, xúc tiến nhanh việc cấp giấy chứng nhận theo chính sách đất đai nên trong nghị quyết của Chính phủ và hướng dẫn của Cục địa chính.

+ Hộ gia đình, cá nhân đã được nhà nước giao đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vượt mức trước ngày 01/01/1999 để phát triển trang trại thì được tiếp tục sử dụng và chuyển sang thuê đất phần vượt hạn mức theo qui định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Hộ gia đình, cá nhân đã sử dụng đất phát triển trang trại nhưng chưa được giao, chưa được thuê hoặc đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước ngày ban hành Nghị quyết 03/2000/NQ-CP của Chính phủ, sử dụng đất đúng mục đích và không có tranh chấp thì được xét để giao, cho thuê và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ trang trại.

+ Các địa phương có kế hoạch bố trí vốn để hỗ trợ các trang trại để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở chế biến, cung cấp thông tin.

Đề án KTCT

+ Trang trại được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước từ quỹ hỗ trợ đầu tư để trồng rừng, trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản chăn nuôi đại gia súc.

+ Khuyến khích phát triển trang trại gia đình ở các vùng các miền, cán bộ, đảng viên có gia đình làm nông nghiệp được làm trang trại như các hộ nông dân khác.

+ Nhà nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi phát triển các trang trại gia đình, chủ trang trại trực tiếp sản xuất và quản lý, hướng vào khai thác có hiệu quả đất trống đồi núi trọc, diện tích mặt nước và đất còn hoang hoá để phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp hàng hoá. Tùy theo quỹ đất ở từng địa phương có mức giao thích hợp cho các hộ gia đình nông dân lập trang trại sản xuất Nông, lâm, ngư nghiệp xoay quanh mức hạn điền trước hết phải ưu tiên giao đất cho các hộ nông dân sinh sống tại địa phương, sau đó đến các hộ nông dân không có đất hoặc ít đất từ các vùng khác đến đăng ký để nhận đất sản xuất.

+ Các đối tượng khác nếu có vốn, có nguyện vọng đầu tư sản xuất kinh doanh nông nghiệp, lâm, ngư nghiệp được thuê đất trống đồi núi trọc, đất hoang hoá, mặt nước chưa sử dụng để lập trang trại sản xuất. Nếu làm quy mô lớn phải có dự án, chính quyền kiểm soát thông qua việc cấp giấy cho thuê đất và quản lý việc sử dụng đất đai, chuyển sang kinh doanh theo lập công ty.

+ Đối với vùng đồng bằng khuyến khích các trang trại sử dụng ít đất như trang trại chăn nuôi, nông trại chế biến nông sản, thực phẩm, thức ăn gia súc...

+ Thực hiện miễn thuế thu nhập đối với thời gian tối đa nếu chủ trang trại đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh ở những địa bàn đất trống, đồi núi trọc, bãi bồi, đầm phá ven biển theo nghị định 51/1999/NĐCP, ngày 18/7/1999 của Bộ tài chính đã dự thảo và bổ sung sửa đổi nghị định số 30/1998/ND - CP, ngày 15/3/1998 quy định chi tiết thi hành luật thuế

Đề án KTCT

thu nhập doanh nghiệp theo quy định đối tượng nộp thuế là những hộ làm kinh tế trang trại đã sản xuất kinh doanh ổn định có giá trị hàng hoá, có lãi lớn, giảm thấp nhất mức thuế suất được nông dân đồng tình và có khả năng thực hiện.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Sự hình thành và phát triển của kinh tế trang trại là biểu hiện của mô hình mới nảy sinh trong điều kiện nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Nó mang tính quy luật chuyển từ sản xuất tự cung, tự cấp của gia đình sang sản xuất chuyên môn hoá quy mô lớn của trang trại.

Kinh tế trang trại ở nước ta mặc dù mới ra đời nhưng những năm gần đây đã có bước phát triển nhất định về số lượng, phương thức sản xuất. Qua kết quả điều tra cho thấy kinh tế trang trại hình thành và phát triển ở nước ta với nhiều loại hình và quy mô khác nhau. Do địa hình và đặc điểm của từng vùng khác nhau nên loại hình phát triển kinh tế trang trại ở từng huyện cũng khác nhau. Về loại hình phát triển ở các vùng nông thôn chủ yếu là mô hình trang trại gia đình, song trên thực tế là đạt hiệu quả kinh tế khá cao. Song vẫn chưa đầu tư đúng mức và còn một số hạn chế làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các trang trại.

Trong thời gian tới để kinh tế trang trại nông nghiệp nước ta tiếp tục phát triển em có một số kiến nghị sau:

- Đất đai: những vùng đất trống đồi núi trọc, đất hoang hoá ven sông, ven biển những năm trước mắt không nên áp dụng mức hạn điền.

- Tiếp tục quy hoạch những vùng sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn từ đó có chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản với quy mô phù hợp cũng như ưu tiên đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn.

- Hỗ trợ cho nông dân áp dụng các máy móc vào sản xuất nông nghiệp dưới hình thức trợ giá, vay không lãi, trả góp không lãi.

- Tạo điều kiện cho kinh tế hợp tác hình thành và phát triển để làm tốt dịch vụ đầu vào, đầu ra trên cơ sở đó tạo điều kiện cho kinh tế hộ đi vào sản xuất chuyên môn hoá.

- Kinh tế trang trại là một vấn đề mới và lớn do kinh phí, thời gian, lực lượng có hạn nên kết quả còn nhiều hạn chế, đề nghị tiếp tục nghiên cứu tổng kết trên phạm vi cả nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại trong thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá ở Việt Nam. NXB chính trị quốc gia Hà Nội năm 2000.

2. Chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới về phát triển nông nghiệp - nông thôn. NXB nông thôn, NXB nông nghiệp Hà Nội 1993.

3. Kinh tế trang trại gia đình trên thế giới và Châu á NXB thống kê - Hà Nội 1993.

4. Trang trại gia đình ở Việt Nam và thế giới. NXB Chính trị quốc gia - Hà Nội 1995.

5. Phát triển kinh tế nông thôn NXB Khoa học xã hội - Hà Nội 1997.

6. Báo cáo thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở ngoại thành Hà Nội 1999.

7. Một số báo cáo của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn về tình hình phát triển kinh tế trang trại ở ngoại thành Hà Nội.

8. Giáo trình kinh tế nông nghiệp. NXB nông nghiệp - Hà Nội 1996.

Ngoài ra đề tài còn sử dụng một số tạp chí và báo như:

- Tạp chí nghiên cứu kinh tế.
- Tạp chí kinh tế phát triển.
- Tạp chí kinh tế và dự báo.
- Tạp chí kinh tế nông nghiệp.
- Báo Nông nghiệp Việt Nam.